Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	2227711622	01QP/D22	Trần Duy Nguyên	Hoàng	29/08/1994	D22DLK-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	TT Huế	
2	2226721630	02QP/D22	Võ Nguyên	Thảo	06/02/1987	D22DLK-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
3	2226711627	03QP/D22	Mai Thị Hoài	Thương	14/04/1992	D22DLK-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
4	171155240	04QP/D22	Trương Quốc	Hoàng	22/10/1992	D22EVT	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Đà Nẵng	
5	2227161040	05QP/D22	Lê Mai	Hùng	21/06/1992	D22EVT	7.3	6.6	**7**	**K**	DakLak	
6	2227161041	06QP/D22	Phạm Phú Hoàng	Linh	05/02/1990	D22EVT	7.3	7	**7.2**	**K**	Đà Nẵng	
7	2227161793	07QP/D22	Trà	Khánh	02/09/1990	D22EVTB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
8	2226261220	08QP/D22	Võ Thị Hoài	Bão	21/10/1993	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
9	2226261225	09QP/D22	Lê Phạm Thị Phước	Giang	08/03/1990	D22KDN	7.3	7.8	**7.6**	**K**	Quảng Nam	
10	2226261228	010QP/D22	Nguyễn Thị	Hằng	29/10/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
11	171325922	011QP/D22	Nguyễn Thị	Hậu	06/09/1993	D22KDN	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Nam	
12	2227261232	012QP/D22	Đỗ Văn	Khánh	16/10/1980	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
13	1913211628	013QP/D22	Nguyễn Huy	Mạnh	01/04/1994	D22KDN	7.3	7.8	**7.6**	**K**	Gia Lai	
14	2226261239	014QP/D22	Nguyễn Thị Thạch	Nha	28/07/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
15	2226261240	015QP/D22	Vũ Công Thanh	Nhàn	04/09/1991	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
16	2226261241	016QP/D22	Nguyễn Huỳnh Thị Ý	Như	20/08/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
17	1913211632	017QP/D22	Văn Phú	Phi	09/12/1994	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
18	2227261247	018QP/D22	Phan Quang	Tài	01/08/1981	D22KDN	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Nam	
19	2226261248	019QP/D22	Đoàn Thị Kim	Thành	21/08/1988	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
20	2226261250	020QP/D22	Lê Thị Diệu	Thảo	12/01/1993	D22KDN	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Trị	
21	2226261253	021QP/D22	Nguyễn Thị Hoài	Thương	02/09/1994	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
22	2227261254	022QP/D22	Hồ Xuân	Tín	03/01/1989	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
23	2226261255	023QP/D22	Trương Thị Phương	Trâm	01/04/1994	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Bình	
24	1912211639	024QP/D22	Lê Hoàng Huyền	Trang	27/08/1994	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
25	2227261260	025QP/D22	Nguyễn Văn	Trọng	02/04/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Bình	
26	1913211640	026QP/D22	Nguyễn Hữu	Trung	01/03/1995	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
27	2226261263	027QP/D22	Trần Thị Tường	Vi	12/08/1991	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
28	2227261264	028QP/D22	Nguyễn Quốc	Việt	28/04/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	

Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
29	2226261265	029QP/D22	Đài Thị Nhơn	Ý	28/04/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Gia Lai	
30	2226261266	030QP/D22	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/02/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
31	2226261267	031QP/D22	Nguyễn Thị Thu	Yến	06/09/1992	D22KDN	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
32	2226261811	032QP/D22	Vũ Thị Thu	Hương	16/09/1983	D22KDNB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
33	2227261812	033QP/D22	Nguyễn Ngọc	Huy	17/05/1994	D22KDNB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
34	2226261818	034QP/D22	Phạm Thị	Nở	10/05/1992	D22KDNB	6.7	7.3	**7**	**K**	TT Huế	
35	2226261613	035QP/D22	Hoàng Thị Thùy	Anh	13/02/1994	D22KDN-B	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Hưng Yên	
36	2226261614	036QP/D22	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	03/10/1990	D22KDN-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
37	2226261619	037QP/D22	Mai Thị Thanh	Phương	29/08/1992	D22KDN-B	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Đà Nẵng	
38	2226411756	038QP/D22	Nguyễn Thị	Ái	16/04/1987	D22KTRB	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Hà Tĩnh	
39	2226411748	039QP/D22	Phan Thị Kim	Chi	25/08/1993	D22KTRB	7.1	7.3	**7.2**	**K**	DakLak	
40	2227411749	040QP/D22	Trần Thiện	Chí	05/03/1992	D22KTRB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
41	2227411750	041QP/D22	Huỳnh Hữu	Hậu	08/11/1993	D22KTRB	8	7.3	**7.7**	**K**	Gia Lai	
42	2227411758	042QP/D22	Trần Lâm	Phú	16/09/1989	D22KTRB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Đà Nẵng	
43	2227411751	043QP/D22	Võ Quí	Phú	13/11/1993	D22KTRB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Khánh Hòa	
44	2227411752	044QP/D22	Võ Văn	Phước	10/04/1993	D22KTRB	7.6	7.3	**7.5**	**K**	Quảng Trị	
45	2227411753	045QP/D22	Phan Đình	Quang	27/11/1993	D22KTRB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Đà Nẵng	
46	2227411754	046QP/D22	Trần Ngọc	Toản	12/08/1993	D22KTRB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Nam Định	
47	2227411755	047QP/D22	Dương Hiển	Vương	21/10/1993	D22KTRB	7.6	7.3	**7.5**	**K**	Quảng Nam	
48	2227241202	048QP/D22	Nguyễn Quốc	Anh	28/04/1992	D22QNH	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
49	2227241204	049QP/D22	Dương Trường	Giang	27/02/1991	D22QNH	7.6	7.3	**7.5**	**K**	Quảng Bình	
50	2227241598	050QP/D22	Nguyễn Anh	Khoa	12/02/1992	D22QNH-B	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Quảng Ngãi	
51	2226211193	051QP/D22	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	02/09/1992	D22QTH	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Nam	
52	2227211198	052QP/D22	Trần Văn Thành	Trung	12/11/1992	D22QTH	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
53	2227211800	053QP/D22	Nguyễn Ngọc	Liên	20/11/1990	D22QTHB	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Quảng Nam	
54	2227211584	054QP/D22	Trương Đình Bảo	An	17/01/1992	D22QTH-B	7.8	7.3	**7.6**	**K**	TT Huế	
55	2226211588	055QP/D22	Trần Nữ Hoàng	Hường	30/11/1995	D22QTH-B	6.2	7.3	**6.8**	**TBK**	Đà Nẵng	
56	2227211592	056QP/D22	Phan Ngọc	Quý	02/08/1993	D22QTH-B	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	

Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
57	2227121002	057QP/D22	Phạm Bá	Cường	22/02/1993	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
58	2227121003	058QP/D22	Võ	Định	13/05/1993	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
59	2227121004	059QP/D22	Lê Nguyễn Như	Hoàng	19/11/1990	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
60	2227121006	060QP/D22	Lâm Quốc	Hưng	25/01/1994	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
61	2226121008	061QP/D22	Nguyễn Thị	Long	20/12/1994	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Hà Tĩnh	
62	2226121009	062QP/D22	Bùi Thanh	Ngọc	26/03/1992	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Bình	
63	2226121010	063QP/D22	Võ Minh	Phương	31/03/1995	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Trị	
64	2227121012	064QP/D22	Phan Nho	Quế	10/10/1992	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Hà Tĩnh	
65	2227121013	065QP/D22	Lê Văn	Thời	22/10/1985	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
66	2226121014	066QP/D22	Phạm Thị Quyền	Trang	19/05/1993	D22TPM	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
67	2226121015	067QP/D22	Nguyễn Thị Xuân	Trang	20/03/1993	D22TPM	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Đà Nẵng	
68	2227121016	068QP/D22	Chu Ngọc	Tú	26/09/1991	D22TPM	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
69	2227121784	069QP/D22	Phan Đăng	Khoa	02/08/1993	D22TPMB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Quảng Nam	
70	2227121785	070QP/D22	Võ Hoàng	Kim	15/01/1990	D22TPMB	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
71	2227121791	071QP/D22	Đặng Hồng	Ngà	20/07/1992	D22TPMB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
72	2227611017	072QP/D22	Phạm Quang	Dũng	17/08/1993	D22XDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
73	2227611021	073QP/D22	Trần Văn	Hiệp	03/09/1989	D22XDD	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Quảng Nam	
74	2227611023	074QP/D22	Hà Huy	Hoàng	02/02/1991	D22XDD	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Bình	
75	2227611025	075QP/D22	Nguyễn Tấn	Hùng	05/05/1992	D22XDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
76	2227611024	076QP/D22	Nguyễn Tuấn	Hùng	08/10/1992	D22XDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	TT Huế	
77	2227611026	077QP/D22	Đặng Bảo	Khiết	08/08/1991	D22XDD	6.6	7.3	**7**	**K**	Quảng Ngãi	
78	2227611031	078QP/D22	Nguyễn Xuân	Thành	26/05/1985	D22XDD	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Đà Nẵng	
79	2227611033	079QP/D22	Trần Văn	Toàn	20/08/1990	D22XDD	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Quảng Bình	
80	2227611035	080QP/D22	Trần Mạnh	Tuấn	30/12/1992	D22XDD	6	7.3	**6.7**	**TBK**	Nam Định	
81	1811615445	081QP/D22	Nguyễn Thanh	Xuân	20/02/1993	D22XDD	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Quảng Trị	
82	2227511048	082QP/D22	Hồ Võ Ánh	Dương	21/02/1991	D22YDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	TT Huế	
83	2226511054	083QP/D22	Lê Thị Thanh	Hường	16/12/1990	D22YDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Ngãi	
84	2226511055	084QP/D22	Nguyễn Thị Thu	Hường	17/07/1991	D22YDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Ninh Bình	

Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
85	2226511058	085QP/D22	Nguyễn Thị Hà	Nhi	13/04/1991	D22YDD	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
86	2226511061	086QP/D22	Nguyễn Thị Hàn	Quyên	14/10/1995	D22YDD	6.7	7.3	**7**	**K**	Phú Yên	
87	2227521100	087QP/D22	Huỳnh Minh	Hiển	12/08/1991	D22YDH	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
88	2226521071	088QP/D22	Nguyễn Thị Khánh	An	02/10/1989	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
89	2226521079	089QP/D22	Bùi Thị	Chiên	11/11/1982	D22YDHA	7.1	7.3	**7.2**	**K**	Thái Bình	
90	2226521086	090QP/D22	Nguyễn Thị Cẩm	Đông	20/11/1974	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
91	2226521091	091QP/D22	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19/10/1992	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
92	2226521096	092QP/D22	Trần Thị Song	Hạ	28/06/1981	D22YDHA	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
93	2226521109	093QP/D22	Ngô Thị Thu	Hương	17/03/1993	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
94	2226521111	094QP/D22	Lê Thị Thanh	Huyền	24/08/1993	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Phước	
95	2226521118	095QP/D22	Nguyễn Thị	Len	01/03/1993	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	DakLak	
96	2226521131	096QP/D22	Nguyễn Thị	Ngân	21/03/1992	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Hải Dương	
97	2226521138	097QP/D22	Dương Thị Ý	Nhi	11/07/1994	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Kon Tum	
98	2226521141	098QP/D22	Trương Thị Kiều	Nương	10/12/1982	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Ngãi	
99	2226521148	099QP/D22	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	16/10/1987	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Ngãi	
100	2226521151	0100QP/D22	Lê Thị Út	Quyên	02/02/1993	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
101	2227521155	0101QP/D22	Nguyễn Hồng	Thắng	19/11/1991	D22YDHA	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
102	2226521163	0102QP/D22	Lê Thị Phương	Thảo	27/06/1992	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
103	2226521169	0103QP/D22	Hồ Thị Thu	Thủy	12/08/1985	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
104	2227521181	0104QP/D22	Nguyễn Minh	Tuấn	28/02/1993	D22YDHA	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Kon Tum	
105	2227521087	0105QP/D22	Nguyễn Văn Linh	Đức	20/09/1993	D22YDHB	7.5	7.1	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
106	2226521095	0106QP/D22	Lê Thị Minh	Hà	25/07/1994	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	DakLak	
107	2226521094	0107QP/D22	Trần Thị Thu	Hà	08/05/1993	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	DakLak	
108	2226521101	0108QP/D22	Phạm Nguyễn Ngọc	Hiệp	04/11/1992	D22YDHB	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Quảng Nam	
109	2226521105	0109QP/D22	Đỗ Thị Ngọc	Hoài	01/01/1993	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	Quảng Nam	
110	2226521108	0110QP/D22	Hồ Thị Ngọc	Hương	08/12/1992	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
111	2226521110	0111QP/D22	Ngô Thị Ngọc	Huyền	04/11/1992	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
112	2227521112	0112QP/D22	Phạm Đắc	Khanh	23/05/1991	D22YDHB	7.3	7.1	**7.2**	**K**	Quảng Nam	

Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
113	2226521115	0113QP/D22	Đinh Thị	Kiên	27/12/1967	D22YDHB	7.8	7.3	**7.6**	**K**	Đà Nẵng	
114	2226521119	0114QP/D22	Nguyễn Thị Kim	Liên	17/12/1990	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
115	2226521121	0115QP/D22	Nguyễn Thị Thanh	Loan	01/01/1971	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	Đà Nẵng	
116	2226521122	0116QP/D22	Trần Thị Ngũ	Long	22/03/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Hà Tĩnh	
117	2226521124	0117QP/D22	Trần Thị Trúc	Ly	14/03/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	DakLak	
118	2226521125	0118QP/D22	Lê Thị Thanh	Minh	04/06/1985	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
119	2226521126	0119QP/D22	Mai Thị Sa	My	02/02/1992	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Phú Yên	
120	2227521127	0120QP/D22	Nguyễn Bình	Nam	11/10/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Gia Lai	
121	2226521142	0121QP/D22	Nguyễn Thị Hạnh	Phúc	12/07/1992	D22YDHB	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
122	2226521143	0122QP/D22	Hoàng Lê Ngọc	Phụng	17/01/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Khánh Hòa	
123	2226521146	0123QP/D22	Bùi Thị Kim	Phượng	05/09/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Phú Yên	
124	2226521156	0124QP/D22	Phạm Lưu Thanh	Thanh	01/10/1993	D22YDHB	7.3	6.8	**7.1**	**K**	Đà Nẵng	
125	2227521160	0125QP/D22	Nguyễn Hữu	Thành	18/09/1984	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
126	2226521159	0126QP/D22	Nguyễn Thị	Thành	02/04/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Quảng Nam	
127	2226521161	0127QP/D22	Nguyễn Bình Kim	Thảo	21/04/1994	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
128	2227521164	0128QP/D22	Lê Quang	Thịnh	30/10/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
129	2227521165	0129QP/D22	Lê Đình	Thông	18/10/1989	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Phú Yên	
130	2226521168	0130QP/D22	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/12/1990	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	Đà Nẵng	
131	2226521170	0131QP/D22	Trương Nguyễn Quỳnh	Thy	30/03/1993	D22YDHB	7.3	7.5	**7.4**	**K**	Khánh Hòa	
132	2226521171	0132QP/D22	Lê Thái Thủy	Tiên	29/03/1993	D22YDHB	6.8	7.5	**7.2**	**K**	Đà Nẵng	
133	2226521172	0133QP/D22	Đoàn Thị Thùy	Tiên	09/04/1994	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Kon Tum	
134	2227521174	0134QP/D22	Nguyễn Hữu	Tịnh	04/07/1990	D22YDHB	6.3	7.3	**6.8**	**TBK**	Quảng Nam	
135	2227521175	0135QP/D22	Phạm Văn	Tô	20/02/1969	D22YDHB	8.7	8.7	**8.7**	**G**	Đà Nẵng	
136	2227521180	0136QP/D22	Võ Trịnh	Tú	11/10/1993	D22YDHB	6.8	7.3	**7.1**	**K**	Gia Lai	
137	2227521182	0137QP/D22	Hoàng Anh	Tuấn	26/01/1991	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Đà Nẵng	
138	2226521188	0138QP/D22	Trần Thị Thảo	Vi	17/02/1993	D22YDHB	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Bình Định	
139	2226521763	0139QP/D22	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/04/1993	D22YDH-B	7.3	7	**7.2**	**K**	DakLak	
140	2226521764	0140QP/D22	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	02/04/1991	D22YDH-B	7.3	7.8	**7.6**	**K**	Quảng Trị	

Bộ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D22(2016-2018) HỆ LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH HAI HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ LIÊN THÔNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2017

D22 - HỆ LIÊN THÔNG

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	HP4	TB	XL	N.SINH	G.CHÚ
141	2226521768	0141QP/D22	Nguyễn Thị	Hiên	21/11/1992	D22YDH-B	7.8	7.8	**7.8**	**K**	Phú Thọ	
142	2226521514	0142QP/D22	Phạm Thị Diễm	Hương	03/09/1991	D22YDH-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	Hà Tĩnh	
143	2226521534	0143QP/D22	Mai Hồng	Ngọc	24/01/1991	D22YDH-B	7.3	7.3	**7.3**	**K**	TT Huế	
144	2226521780	0144QP/D22	Phạm Thị Thùy	Trang	06/10/1988	D22YDH-B	7.3	7	**7.2**	**K**	Quảng Nam	
145	2226521779	0145QP/D22	Lê Võ Vân	Trang	08/02/1994	D22YDH-B	7.3	7	**7.2**	**K**	Khánh Hòa	
146	2226521566	0146QP/D22	Phạm Thị Thanh	Truyền	15/07/1993	D22YDH-B	7.3	7	**7.2**	**K**	Quảng Nam	
147	2226521567	0147QP/D22	Lê Thị	Tuân	18/06/1966	D22YDH-B	7.3	6.6	**7**	**K**	Đà Nẵng	
148	2226521781	0148QP/D22	Ngô Thị Cẩm	Uyên	29/11/1992	D22YDH-B	7.3	7	**7.2**	**K**	Quảng Nam	

Tổng số: 148 sinh viên

TT.GDTC - QP	PHÒNG. KHTC	P.ĐÀO TẠO ĐH & SĐH	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ThS. Lê Đức Trọng	**Phan Phụng Hội**	**TS. Nguyễn Phi Sơn**	**PGS. TS Lê Đức Toàn**